

Bản án số: 548/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuật

Các Hôi thâm nhân dân:

1. Bà Võ Bảo Đào Diễm
2. Bà Võ Thi Phương Thúy

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Công Định - Thư ký Toà án nhân dân
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 485/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2024/QĐST-HPT ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C

Bi đơn: Bà Bùi Thị Thanh T

Cùng địa chỉ: 8 Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Thanh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01 ngày 15/01/1993 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông C chung sống với nhau hòa thuận, tuy nhiên những năm gần đây vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm

sống khiến cuộc sống chung trở nên căng thẳng, gây ảnh hưởng đến tinh thần các bên, đến nay vợ chồng ông không thể dung hòa cuộc sống vợ chồng được. Ông C và bà T đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có tiếng nói chung nên không hòa giải được. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Ái T1, sinh ngày 01/9/1994 (Đã thành niên), Nguyễn Ái T2, sinh ngày 07/10/2006. Hiện nay con đang sống cùng bà T nên ông đồng ý để cháu T2 sống với bà T chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng, thực hiện từ ngày án có hiệu lực pháp luật vào ngày 10 dương lịch hằng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn từ năm 1993, tôi chưa từng có một ngày vui vẻ, hạnh phúc, vì ông C chưa làm tròn bổn phận người chồng, người cha. Tuy nhiên hiện nay con gái Nguyễn Ái T2 chưa tốt nghiệp lớp 12 nên bà chưa đồng ý ly hôn. Bà chỉ đồng ý ly hôn nếu ông C hoàn thành thủ tục sang tên căn nhà tại địa chỉ số H T, phường T, Quận G, hoặc chuyển cho bà số tiền 01 tỷ đồng.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ái T1, sinh ngày 01/9/1994 (Đã thành niên), Nguyễn Ái T2, sinh ngày 07/10/2006. Bà yêu cầu nếu ly hôn thì bà là người trực tiếp nuôi con chung. Không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết, không yêu cầu phản tố.

Kết quả tranh tụng tại phiên Tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Bùi Thị Thanh T; về con chung Nguyễn Ái T2 giao cho bà Bùi Thị Thanh T hoặc ông trực tiếp nuôi dưỡng đều được. Về cấp dưỡng nuôi con, ông C không cấp dưỡng vì con chuẩn bị đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn xác định hôn nhân không hạnh phúc, nhưng muốn để con học xong lớp 12 mới ly hôn. Nếu ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ái T2, không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý: Tòa án nhân dân Quận 7 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Bùi Thị Thanh T, con chung giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Về án phí: ông C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn của ông Nguyễn Văn C thì đây là vụ án hôn nhân gia đình, bị đơn cư trú tại Quận G. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Thanh T chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01 ngày 15/01/1993 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P - T, tỉnh Ninh Thuận nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn C đề nghị được ly hôn với bà Bùi Thị Thanh T, do những năm gần đây vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống khiến cuộc sống chung trở nên căng thẳng, gây ảnh hưởng đến tinh thần các bên, đến nay vợ chồng ông không thể dung hòa cuộc sống vợ chồng được. Ông C và bà T đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có tiếng nói chung nên không hòa giải được. Bà T cũng xác định từ khi kết hôn đến nay bà chưa từng có một ngày vui vẻ, hạnh phúc. Tuy nhiên bà chưa muốn ly hôn vì muốn lo cho con gái Nguyễn Ái T2 học xong đại học mới giải quyết việc ly hôn. Bà chỉ đồng ý ly hôn nếu ông C hoàn thành thủ tục sang tên căn nhà tại địa chỉ số H T, phường T, Quận G, hoặc chuyển cho bà số tiền 01 tỷ đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã hòa giải để ông C bà T đoàn tụ nhưng không có tiếng nói chung, tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử cũng tạo điều kiện để các đương sự hòa giải với nhau nhưng ông C cương quyết không đồng ý vì cho rằng ông không còn tình cảm với bà T. Bà T cũng xác định không hạnh phúc với ông C nhưng hi sinh vì con chung.

Nhận thấy, hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện của vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng, quan tâm giúp đỡ và gắn kết với nhau, nhưng giữa ông C bà T hiện đã không còn sự gắn kết, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn Ái T1, sinh ngày 01/9/1994 (Đã thành niên), Nguyễn Ái T2, sinh ngày 07/10/2006, ngoài ra không có con chung nào khác. Ông C, bà T cùng mong muốn trực tiếp nuôi con chung, tuy nhiên trẻ Nguyễn Ái T2 tự khai mong muốn được ở với mẹ. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý cũng như quyền lợi về mọi mặt cho trẻ, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Ái T2 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban T3;

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C:

- Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Bùi Thị Thanh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01 ngày 15/01/1993 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ái T1, sinh ngày 01/9/1994 (Đã thành niên), Nguyễn Ái T2, sinh ngày 07/10/2006. Giao con chung Nguyễn Ái T2 cho bà Bùi Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng.

Ông Nguyễn Văn C được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0037210 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Ông C đã nộp đủ án phí.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuật